

Bản án số: 205/2025/DS-ST
Ngày: 21/4/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Quân.
- Bà Lâm Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 831/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1869/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1976/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Hồng C**, sinh năm: 1986.

Thường trú: Khu vực A, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thúy L**, sinh năm: 1987.

Thường trú: L, Hồ N, Đồng Tháp.

Địa chỉ đang cư trú: Căn hộ A, chung cư T, đường L, Khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Trần Thị Thúy L là bạn hàng xóm cùng chung xóm trọ với nhau. Vì là chỗ thân tình nên những lúc bà L gặp khó khăn, bà luôn sẵn sàng giúp đỡ,

để trang trải cuộc sống, bà L đã nhiều lần vay tiền và vàng của bà, cụ thể như sau:

- Ngày 01/6/2020, bà L vay 04 lượng vàng 9999 và số tiền mặt là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

- Trước đó bà không nhớ rõ ngày tháng, bà L vay của bà 01 lượng vàng 9999.

Tổng cộng số tiền, vàng bà L vay của bà là 5 lượng vàng 9999 và 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng; thời hạn vay là từ ngày 01/6/2020 đến ngày 01/6/2022; Lãi suất toàn bộ khoản vay là 5.800.000 đồng/tháng.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ là ngày 01/6/2022, bà L không trả tiền, vàng cho bà đúng hạn. Bà nhiều lần liên hệ điện thoại thì bà L lấy lý do khó khăn xin tiếp tục gia hạn thời gian vay. Bà vì thương bạn lại đồng ý gia hạn thêm một năm là đến ngày 01/6/2023 (căn cứ giấy mượn tiền ngày 30/07/2022 đính kèm).

Đến tháng 8/2022, bà L trả cho bà 25.000.000 đồng. Ngày 07/11/2023, bà L có trả thêm cho bà 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Quy đổi theo giá vàng 9999 tại thời điểm trả nợ 01 lượng vàng là 59.200.000 đồng (Năm mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng; 3,1 lượng tương đương 183.520.000 (Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng. Theo thỏa thuận giữa hai bên, vì bà L trễ hạn 09 ngày nên bà L đồng ý trả cho bà phần chi phí sinh hoạt bà phải ở lại thành phố Hồ Chí Minh mỗi ngày là 1.000.000 (một triệu) đồng; 09 ngày là 9.000.000 (chín triệu) đồng, cộng thêm một vài chi phí sinh hoạt vặt vặt bà L mượn của bà là 570.000 (năm trăm bảy mươi nghìn) đồng. Như vậy, bà L đã trả cho bà 3,1 lượng vàng 9999. Còn lại 1,9 lượng vàng 9999 bà L hẹn bà đến ngày 30/11/2023 sẽ trả và không được sai hạn. Bà L cam kết nếu bà sai hạn sẽ trả phần lãi và tiền phạt sai hạn là 5.000.000 đồng/ngày. Vì để bà L có trách nhiệm trả đúng hạn cho bà nên bà đồng ý chứ thực tế bà đã không thu thêm 1 đồng tiền lãi nào kể từ thời điểm đó.

Đến hạn bà L lại tiếp tục lẩn tránh và không trả nợ cho bà. Bà ôm con nhỏ đi từ Hậu Giang đến thành phố Hồ Chí Minh rông rã nhiều ngày để tìm bà L nhưng không được. Sau khi tìm được, bà L hẹn bà đến chung cư T nhưng đã không ra gặp và cho mẹ con bà chờ 1 ngày ngoài trời nắng nóng. Tình cảnh khốn cùng nên bà đã phải đường đột tìm đến nhà và xảy ra chuyện ồn ào ngày 17/06/2024, sự việc đã được công an phường T mời làm việc. Tại buổi làm việc, bà L đã thừa nhận có mượn của bà tiền, vàng nên Công an phường T hướng dẫn bà khởi kiện đến Tòa án.

Chính vì vậy, nay bằng đơn này, bà đề nghị Tòa án Nhân dân Quận 12 xem xét, giải quyết cho bà buộc bà Trần Thị Thúy L phải trả lại cho bà:

- Tiền gốc: số vàng 1,9 lượng vàng 9999 quy đổi ra giá trị thời điểm hiện tại số tiền 7.395.000 đồng x 1,9 lượng = 140.505.000 đồng.

- Tiền lãi: theo lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm từ thời điểm ngày 07/11/2023 đến 07/6/2024 tạm tính là 7 tháng tương đương 140.505.000 đồng x 20%/12 tháng x 7 tháng = 16.392.000 đồng.

Tổng số tiền bà yêu cầu bà L phải trả là 156.897.000 đồng.

*Ngày 20/01/2025 bà Phan Thị Hồng C có bản tự khai nội dung sau:

Bà Trần Thị Thúy L nợ bà 1,9 lượng vàng 9999, nay bà yêu cầu bà L trả cho bà bằng tiền tương đương tại thời điểm xét xử và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, V đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ của nguyên đơn theo Giấy mượn tiền ngày 30/7/2022. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở để xác định:

Theo tờ Giấy mượn tiền ngày 30/7/2020 do chính bà Trần Thị Thúy L ghi nội dung bà mượn của bà Phan Thị Hồng C 04 lượng vàng 9999 vào ngày 01/6/2020, số tiền mặt là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng và trước đó bà có mượn của bà C 01 lượng vàng 9999, tổng cộng là 05 lượng vàng và 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, ngoài ra bà L còn ghi số tiền bà phải trả lãi cho bà C. Thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày vay là 30/7/2020 đến ngày 30/7/2022. Sau đó trong tờ giấy cũng có ghi nội dung do bà L chưa có tiền trả cho bà C nên bà C đồng ý gia hạn thêm 02 thời hạn vay nợ lần 1 là 01 năm tức là tới ngày 01/6/2023 và lần 2 là tới ngày 30/10/2023 bà L phải trả tiền và vàng cho bà C.

Sau khi vay vàng và tiền của bà C thì đến tháng 8/2022 bà L đã trả cho bà C số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Ngày 07/11/2023 bà L trả cho bà C 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Các đương sự tự quy đổi theo giá vàng 9999 tại thời điểm trả nợ thì số tiền đó tương đương 3,1 lượng vàng. Trừ đi số vàng trên thì bà L còn nợ bà C 1,9 lượng vàng. Nay bà C yêu cầu bà L trả cho bà số vàng nêu trên và quy đổi ra bằng tiền tại thời điểm xét xử, không yêu cầu lãi.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố. Toàn bộ các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho bà L tại Thông báo về Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208, 209 và Khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện theo quy định của tại điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với việc yêu cầu bị đơn trả 1,9 lượng vàng 9999 và quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử là có cơ sở được chấp nhận. Bởi vì căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Do bên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đúng với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn giá trị của 1,9 lượng vàng 9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 190.570.000 (một trăm chín

mười triệu, năm trăm bảy mươi nghìn) đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 9.528.500 (Chín triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Thúy L phải trả cho bà Phan Thị Hồng C giá trị của 1,9 lượng vàng 9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 190.570.000 (một trăm chín mươi triệu, năm trăm bảy mươi nghìn) đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành nội dung trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Thúy L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.528.500 (Chín triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm) đồng, nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Hồng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.922.425 (ba triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005271 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương